

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT ĐÃ HOÀN THÀNH CÔNG TÁC GPMB

Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 391 đoạn từ thành phố Hải Dương đến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương thuộc địa bàn xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương

(Đính kèm Thông báo số 166 /TB-UBND ngày 14 /11/2025 của Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng)

Stt	Họ và tên chủ sử dụng	Mảnh trích lục bản đồ địa chính tờ bản đồ số số 10				Diện tích thu hồi dự án						Đất chuyên dùng	Còn lại	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Loại đất	Số thửa đất	Diện tích hiện trạng thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi dự án này (m2)	Cộng diện tích thu hồi (m2)	Trong đó		Tổng cộng				
								Đất 03 (m2)	Đất công điền (m2)	Tổng cộng đất giao 03 (m2)	Đất công điền (m2)			
1	Ông Vũ Văn Hinh vợ là bà Đặng Thị Nhã	2	LUC	1253	115.0	1.0	1.0	1.0	0.0	1.0	0.0		114.0	
2	Ông Lê Văn Phú vợ là bà bà Đặng Bích Thủy	2	LUC	1114	175.0	22.0	22.0	22.0	0.0	22.0	0.0		153.0	
3	Ông Nguyễn Văn Chỉnh vợ là bà Vũ Thị Linh	2	LUC	1115	219.0	21.0	21.0	21.0	0.0	21.0	0.0		198.0	
4	Ông Vũ Văn Thiệu vợ là bà Nguyễn Thị Thành	6	LUC	59	187.0	28.0	28.0	28.0	0.0	28.0	0.0		159.0	
5	Ông Vũ Tùng Tạc, vợ là Nguyễn Thị Khanh	2	LUC	1250	181.0	44.0	44.0	44.0	0.0	44.0	0.0		137.0	
6	Ông Vũ Văn Toan	6	LUC	1251	215.0	2.0	2.0	2.0	0.0	2.0	0.0		213.0	
7	Ông Vũ Văn Minh vợ là bà Đoàn Thị Tuấn	5	LUC	37	139.0	26.0	26.0	26.0	0.0	26.0	0.0		113.0	
8	Ông Nguyễn Văn Giới vợ là bà Nguyễn Thị Lan	6	LUC	226	187.0	56.0	56.0	56.0	0.0	56.0	0.0		131.0	
9	Ông Nguyễn Văn Tường vợ là bà Vũ Thị Huệ	6	LUC	227	96.0	96.0	96.0	96.0	0.0	96.0	0.0		0.0	
10	Ông Vũ Văn Khang (đã chết) con trai là ông Vũ Văn Lưu	6	LUC	284	239.0	38.0	38.0	38.0	0.0	38.0	0.0		201.0	
11	Bà Trần Thị Đoan	6	LUC	285	113.0	18.0	18.0	18.0	0.0	18.0	0.0		95.0	
12	Ông Nguyễn Văn Kiều vợ là bà Vũ Thị Bao	6	LUC	286	534.0	87.0	87.0	87.0	0.0	87.0	0.0		447.0	
13	Ông Trịnh Xuân Bốn	6	LUC	385	159.0	34.0	34.0	34.0	0.0	34.0	0.0		125.0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng	Mảnh trích lục bản đồ địa chính tờ bản đồ số số 10				Diện tích thu hồi dự án						Đất chuyên dùng	Còn lại	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Loại đất	Số thửa đất	Diện tích hiện trạng thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi dự án này (m2)	Cộng diện tích thu hồi (m2)	Trong đó		Tổng cộng				
								Đất 03 (m2)	Đất công điền (m2)	Tổng cộng đất giao 03 (m2)	Đất công điền (m2)			
14	Bà Trần Thị Đào	6	LUC	313	175.0	36.0	36.0	36.0	0.0	36.0	0.0		139.0	
		6	LUC	314	215.0	46.0	46.0	46.0	0.0	46.0	0.0		169.0	
15	Ông Nguyễn Thanh Bình, vợ là bà Vũ Thị Leo	6	LUC	311	272.0	44.0	44.0	44.0	0.0	44.0	0.0		228.0	
16	Ông Nguyễn Văn Đợi vợ là bà Phạm Thị Cúc	6	LUC	687	318.0	49.0	49.0	49.0	0.0	49.0	0.0		269.0	
17	Bà Lưu Thị Thắm	6	LUC	688	220.0	39.0	39.0	39.0	0.0	39.0	0.0		181.0	
18	Ông Nguyễn Văn Bạ (đã chết) con trai là Nguyễn Văn Tân	6	LUC	689	204.0	37.0	37.0	37.0	0.0	37.0	0.0		167.0	
19	Ông Nguyễn Văn Khanh (đã chết) vợ là bà Nguyễn Thị Do	6	NTS	741	352.0	52.0	52.0	52.0	0.0	52.0	0.0		300.0	
20	Ông Nguyễn Văn Kha vợ là bà Nguyễn Thị Minh Thu	6	LUC	742	107.0	13.0	13.0	13.0	0.0	13.0	0.0		94.0	
21	Ông Đặng Văn Tuyển vợ là bà Nguyễn Thị Hoàn	6	LUC	744	78.0	13.0	13.0	13.0	0.0	13.0	0.0		65.0	
22	Ông Nguyễn Văn Nghi vợ là bà Đinh Thị Thu Ngọc	6	LUC	780	193.0	1.0	1.0	1.0	0.0	1.0	0.0		192.0	
23	Ông Đặng Văn Tiến (đã chết) con trai là ông Đặng Văn Tuyển	6	LUC	782	316.0	25.0	25.0	25.0	0.0	25.0	0.0		291.0	
24	Ông Đoàn Văn Thực	10	LUC	105	335.0	65.0	65.0	65.0	0.0	65.0	0.0		270.0	
		10	LUC	120	615.0	89.0	89.0	89.0	0.0	89.0	0.0		526.0	
25	Ông Đặng Văn Thên (đã chết) con gái là bà Đặng Thị Nhanh	6	LUC	384	236.0	51.0	51.0	51.0	0.0	51.0	0.0		185.0	
26	Bà Đinh Thị Nhâm	6	LUC	427	321.0	127.0	127.0	127.0	0.0	127.0	0.0		194.0	
27	Bà Nguyễn Thị Mùa (đã chết) con gái là bà Đặng Thị Xuân	8	LUC	490	114.0	90.0	90.0	90.0	0.0	90.0	0.0		24.0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng	Mảnh trích lục bản đồ địa chính tờ bản đồ số số 10				Diện tích thu hồi dự án						Đất chuyên dùng	Còn lại	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Loại đất	Số thửa đất	Diện tích hiện trạng thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi dự án này (m2)	Cộng diện tích thu hồi (m2)	Trong đó		Tổng cộng				
								Đất 03 (m2)	Đất công điền (m2)	Tổng cộng đất giao 03 (m2)	Đất công điền (m2)			
28	Ông Nguyễn Tuấn Anh (đã chết) mẹ là bà Nguyễn Thị Lan	6	LUC	591	65.0	9.0	9.0	9.0	0.0	9.0	0.0		56.0	
29	Ông Đặng Văn Quý (đã chết) vợ là bà Đoàn Thị Khoát	6	LUC	534	328.0	117.0	117.0	117.0	0.0	117.0	0.0		211.0	
30	Ông Nguyễn Văn Trinh (đã chết) vợ là bà Lưu Thị Đào	6	LUC	592	304.0	52.0	52.0	52.0	0.0	52.0	0.0		252.0	
31	Bà Nguyễn Thị Phi (đã chết) con gái là bà Nguyễn Thị Thi	6	LUC	593	198.0	38.0	38.0	38.0	0.0	38.0	0.0		160.0	
32	Bà Vũ Thị Lái	6	LUC	639	153.0	20.0	20.0	20.0	0.0	20.0	0.0		133.0	
33	Ông Nguyễn Văn Hương	6	LUC	640	271.0	31.0	31.0	31.0	0.0	31.0	0.0		240.0	
34	Ông Đặng Văn Trà (đã chết) con trai là ông Đặng Ngọc Cảnh	6	LUC	642	119.0	34.0	34.0	34.0	0.0	34.0	0.0		85.0	
35	Ông Nguyễn Văn Chiến vợ là bà Đặng Thị Hà	8	LUC	489	101.0	69.0	69.0	69.0	0.0	69.0	0.0		32.0	
36	Ông Nguyễn Văn Bình (đã chết) vợ là bà Đặng Thị Xế	6	LUC	590	121.0	17.0	17.0	17.0	0.0	17.0	0.0		104.0	
37	Ông Đoàn Văn Thoàn vợ là bà Nguyễn Thị Chuyên	6	LUC	781	114.0	3.0	3.0	3.0	0.0	3.0	0.0		111.0	
38	Ông Đặng Văn Hiển	6	LUC	740	189.0	31.0	31.0	31.0	0.0	31.0	0.0		158.0	
39	Ông Nguyễn Văn Vính	6	LUC	641	147.0	1.0	1.0	1.0	0.0	1.0	0.0		146.0	
40	Bà Phạm Thị Toan	6	LUC	643	358.0	43.0	43.0	43.0	0.0	43.0	0.0		315.0	
41	Ông Nguyễn Văn Sắc (đã chết) con gái là bà Nguyễn Thị Quyền	6	LUC	383	344.0	77.0	77.0	77.0	0.0	77.0	0.0		267.0	
42	Ông Vũ Văn Nhạ vợ là bà Nguyễn Thị Thiết	6	LUC	644	348.0	53.0	53.0	53.0	0.0	53.0	0.0		295.0	
43	Ông Đinh Văn Ổn	6	LUC	684	364.0	39.0	39.0	39.0	0.0	39.0	0.0		325.0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng	Mảnh trích lục bản đồ địa chính tờ bản đồ số số 10				Diện tích thu hồi dự án						Đất chuyên dùng	Còn lại	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Loại đất	Số thửa đất	Diện tích hiện trạng thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi dự án này (m2)	Cộng diện tích thu hồi (m2)	Trong đó		Tổng cộng				
								Đất 03 (m2)	Đất công điền (m2)	Tổng cộng đất giao 03 (m2)	Đất công điền (m2)			
44	Bà Đặng Thị Ái (đã chết) con gái bà Nguyễn Thị Nhài	6	LUC	690	278.0	44.0	44.0	44.0	0.0	44.0	0.0		234.0	
45	Bà Đoàn Thị Chiu (đã chết) con gái là bà Đoàn Thị Duyên	6	LUC	686	112.0	15.0	15.0	15.0	0.0	15.0	0.0		97.0	
46	Ông Đinh Văn Lâm vợ là bà Đỗ Thị Thái	10	LUC	173	204.0	16.0	16.0	16.0	0.0	16.0	0.0		188.0	
47	Ông Trịnh Văn Sỹ	6	LUC	312	178.0	33.0	33.0	33.0	0.0	33.0	0.0		145.0	
48	Ông Bùi Quang Thành vợ là bà Vũ Thị Ngoan	6	LUC	310	200.0	36.0	36.0	36.0	0.0	36.0	0.0		164.0	
49	Bà Vũ Thị Sắc	2	LUC	1248	322.0	3.0	3.0	3.0	0.0	3.0	0.0		319.0	
50	Ông Trần Văn Hệ	2	LUC	1249	492.0	5.0	5.0	5.0	0.0	5.0	0.0		487.0	
51	Bà Nguyễn Thị Nhàn	6	LUC	426	310.0	71.0	71.0	71.0	0.0	71.0	0.0		239.0	
52	Ông Trần Văn Thành vợ là bà Trần Thị Lụa	2	LUC	1112	250.0	25.0	25.0	25.0	0.0	25.0	0.0		225.0	
	Cộng I				12,500.0	2,132.0	2,132.0	2,132.0	0.0	2,132.0	0.0	0.0	10,368.0	
II	Các thửa đất chuyên dùng do UBND phường Tân Hưng quản lý:													
		2	DTL	970	1,244.8	1,244.8	1,244.8					1,244.8	0.0	
		6	DTL	34	236.0	172.0	172.0					172.0	64.0	
		6	DTL	38	69.0	69.0	69.0					69.0	0.0	
		6	DTL	53	237.0	237.0	237.0					237.0	0.0	
		6	DTL	72	133.0	133.0	133.0					133.0	0.0	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng	Mảnh trích lục bản đồ địa chính tờ bản đồ số số 10				Diện tích thu hồi dự án						Đất chuyên dùng	Còn lại	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Loại đất	Số thửa đất	Diện tích hiện trạng thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi dự án này (m2)	Cộng diện tích thu hồi (m2)	Trong đó		Tổng cộng				
								Đất 03 (m2)	Đất công điền (m2)	Tổng cộng đất giao 03 (m2)	Đất công điền (m2)			
53	UBND phường Tân Hưng	6	DTL	81	94.0	94.0	94.0					94.0	0.0	
		6	DTL	138	495.0	495.0	495.0					495.0	0.0	
		6	DTL	218	34.4	34.4	34.4					34.4	0.0	
		6	DTL	389	8.9	8.9	8.9					8.9	0.0	
		6	DTL	423	0.4	0.4	0.4					0.4	0.0	
		22	DTL	21	261.1	261.1	261.1					261.1	0.0	
		22	DTL	60	231.0	231.0	231.0					231.0	0.0	
		23	DTL	63	332.6	332.6	332.6					332.6	0.0	
		23	DTL	69	362.9	362.9	362.9					362.9	0.0	
		29	DTL	15	193.6	62.3	62.3					62.3	131.3	
		29	DTL	92	1,191.0	318.9	318.9					318.9	872.1	
		29	DTL	36	261.3	261.3	261.3					261.3	0.0	
		29	DTL	39	238.0	238.0	238.0					238.0	0.0	
		6	NTD	491	243.0	53.0	53.0					53.0	190.0	
	Cộng II				5,867.0	4,609.6	4,609.6	0.0	0.0	0.0	0.0	4,609.6	1,257.4	
	Tổng Cộng (I+II)				18,367.0	6,741.6	6,741.6	2,132.0	0.0	2,132.0	0.0	4,609.6	11,625.4	

Stt	Họ và tên chủ sử dụng	Mảnh trích lục bản đồ địa chính tờ bản đồ số số 10				Diện tích thu hồi dự án						Đất chuyên dùng	Còn lại	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Loại đất	Số thửa đất	Diện tích hiện trạng thửa đất (m2)	Diện tích thu hồi dự án này (m2)	Cộng diện tích thu hồi (m2)	Trong đó		Tổng cộng				
								Đất 03 (m2)	Đất công điền (m2)	Tổng cộng đất giao 03 (m2)	Đất công điền (m2)			

